TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2025/DS-PT
Ngày: 08 – 8 – 2025
V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Nguyễn A Đam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Văn Gây – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2025/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 262/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bé M, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay Khóm D, xã P, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Bé M: Ông Huỳnh Thiện A, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay Khóm D, xã P, tỉnh Cà Mau).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Huy G, sinh năm 1966

2. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay Ấp Đ, xã T, tỉnh Cà Mau)

Cùng tạm trú: Khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay Khóm A, xã P, tỉnh Cà Mau).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Bé M là nguyên đơn và bà Huỳnh Thị Lê L1 bị đơn.

(Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Bé M và bị đơn bà Huỳnh Thị L có mặt; bị đơn ông Nguyễn Huy G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Bé M là ông Huỳnh Thiện A trình bày:

Vợ chồng ông (Huỳnh Thiện A và Nguyễn Bé M) có tham gia 01 dây hụi do bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Huy G làm chủ cụ thể như sau:

Hụi mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 15/7/2022 (âm lịch), hụi gồm có 35 chân, hụi huê hồng mỗi chân là 3.000.000 đồng. Mỗi tháng khui hụi một lần vào ngày 15 hàng tháng, vợ chồng ông có tham gia 02 chân và mua 01 chân. Hụi tham gia ở thứ tự danh sách hụi viên là 23 Út Minh dây số 1, 35 Út Minh dây số 2. Mua 01 chân ở dây số 1 tên 8 Dũng, thứ tự số 7. Chủ hụi có giao danh sách hụi viên cho các hụi viên, chủ hụi là Lê B, số điện thoại: 0918576440.

Dây hụi này vợ chồng ông tham gia 02 chân, chết 01 chân, sống 01 chân. Vợ chồng ông đóng hụi sống được 15 kỳ x 5.000.000 đồng x 01 chân = 75.000.000 đồng.

Hụi mua 01 chân kỳ thứ 3 bằng 10.000.000 đồng, giao đủ 10.000.000 đồng cho bà L, đóng được 15 kỳ x 5.000.000 đồng x 01 chân = 75.000.000 đồng.

Tổng cộng các phần hụi sống 150.000.000 đồng. Vợ chồng ông nợ chân hụi chết đến mãn là 5.000.000 đồng x 20 kỳ = 100.000.000 đồng.

Đối trừ hụi sống và hụi chết: 150.000.000 đồng – 100.000.000 đồng = 50.000.000 đồng.

Chân hụi chưa hốt, bà Lê G1 hụi các lần vợ chồng ông không có lập sổ theo dõi việc đóng hụi của các hụi viên mà bà Lê T theo dõi. Việc bà Lê G1 hụi không có yêu cầu vợ chồng ông ký tên, vợ chồng ông cũng không có lập sổ theo dõi việc vợ chồng ông giao tiền cho bà L.

Tổng các khoản tiền nợ hụi, bà L và ông G còn nợ vợ chồng ông là 50.000.000 đồng. Vào ngày 15/9/2023 (âm lịch), vợ chồng bà L, ông G tuyên bố đình hụi. Nhiều lần vợ chồng ông yêu cầu bà L, ông G thanh toán tiền hụi nhưng bà L, ông G hứa hẹn lần này đến lần khác và không có thiện chí thanh toán tiền hụi cho vợ chồng ông.

Vì vậy, vợ ông là bà Nguyễn Bé M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông G, bà Lê C trả cho bà M số tiền nợ hụi là 50.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi suất 20%/năm tính từ ngày 15/9/2023 âm lịch đến ngày 15/5/2024 âm lịch bằng 08 tháng với số tiền 6.666.000 đồng. Tại phiên tòa, ông A đại diện theo ủy quyền của bà M yêu cầu tính lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cổng vốn và lãi là 60.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu nào khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Bà M khởi kiện yêu cầu bà thanh toán số tiền hụi sau khi đối trừ bà còn nợ là 50.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm tính từ ngày 15/9/2023 âm lịch đến ngày 15/5/2024 âm lịch là 6.666.000 đồng thì bà không đồng ý. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà chỉ đồng ý thanh toán cho bà M số tiền hụi đóng vào, giấy tờ chứng minh số tiền hụi đóng vào ở mỗi dây bà sẽ cung cấp sau. Về chân hụi chết của bà M thì bà yêu cầu bà M thanh toán tiền hụi cho đến mãn là 50.000.000 đồng x 20 kỳ = 100.000.000 đồng. Nếu trường hợp vốn đóng vào thấp hơn số tiền mà bà M còn nợ bà ở chân hụi chết thì bà đồng ý đối trừ ngang không ai nợ ai. Về phần ông G thì bà xác định ông G không liên quan đến việc làm hụi của bà, ông G chỉ ở vuông do đó ông G không liên quan đến vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Huy G: Đã được Tòa án triệu tệp nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét.

Từ nội dung trên, Bản án số 37/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau) quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bé M. Buộc ông Nguyễn Huy G và bà Huỳnh Thị L liên đới trả cho bà Nguyễn Bé M số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bé M đối với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/6/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Bé M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Huy G và bà Huỳnh Thị Lê T1 số tiền lãi suất là 10.000.000 đồng.

Ngày 11/6/2025, bị đơn bà Huỳnh Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Bé M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bà Nguyễn Bé M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà M.

Người kháng cáo bà Huỳnh Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Bé M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Lê . Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Bé M. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 37/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau) theo hướng tính lãi suất 10%/năm của số tiền 50.000.000 đồng, tính từ ngày 15/9/2023 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Bé M và bà Huỳnh Thị Lê G2 đến Tòa án còn trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Bé M là ông Huỳnh Thiện A, bà Huỳnh Thị L có mặt; bị đơn ông Nguyễn Huy G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị L yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bé M, thấy rằng:*

[2.1.1] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 15/7/2022 (âm lịch) bà Huỳnh Thị Lê M1 dây hụi 5.000.000 đồng, gồm có 02 dây (dây số 1 và số 2), mỗi tháng khui hụi một lần vào ngày 15 âm lịch hàng tháng, trong mỗi dây hụi có 35 chân hụi. Trong đó, dây hụi số 01 bà M tham gia 02 chân, dây hụi số 2 bà M tham gia 01 chân. Đến kỳ thứ 15, bà L tuyên bố đình hụi. Trong 03 chân hụi của bà M thì bà M đã hốt 01 chân ở dây số 01, số tiền đóng hụi chết đến mãn hụi còn lại 20 kỳ, mỗi kỳ 5.00.000 đồng = 100.000.000 đồng (bà M còn nợ tiền hụi chết chưa đóng 100.000.000 đồng). 02 chân còn lại (hụi sống) bà M đã đóng đến kỳ thứ 15 với tổng số tiền 150.000.000 đồng. Đối trừ hụi sống và hụi chết thì bà Lê C1 phải trả cho bà M 50.000.000 đồng.

[2.1.2] Căn cứ vào Bản kê khai tiền hụi lập ngày 02/3/2024 (Bút lục số 83) (do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ từ Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N) thể hiện như sau: Bà M kê khai các chân hụi sống và chết đã đối trừ thì bà Lê C1 phải trả cho bà M số tiền 50.000.000 đồng. Bản kê này có chữ ký xác nhận của bà L, điều này có nghĩa là bà Lê thừa N sau khi đình hụi, đã đối chiếu số tiền hụi đã đóng của các dây hụi, đối trừ tiền hụi bà M đã hốt còn phải đóng thì bà L còn nợ bà M số tiền 50.000.000 đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2.1.3] Bà M yêu cầu ông Nguyễn Huy G là chồng bà Lê C có trách nhiệm với bà Lê T1 số tiền hụi còn thiếu: Việc bà L thực hiện các giao dịch hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân với ông G nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L, ông G cùng có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *" Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng:... 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này".*

[2.1.4] Từ phân tich trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông G cùng có trách nhiệm liên đới với bà Lê T1 tiền nợ hụi 50.000.000 đồng cho bà M như cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L.

[2.2.] *Xét kháng cáo của bà Nguyễn Bé M yêu cầu bà L trả lãi của số tiền 50.000.000 đồng, tính 20%/năm từ ngày 15/9/2023 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với số tiền 10.000.000 đồng, thấy rằng:*

Căn cứ biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Bé M ngày 02/3/2024 của Đội Điều tra tổng hợp Công an huyện N, tỉnh Cà Mau (Bút lục số 82), bà Minh xác Đ: *"...Dây 1: Mở ngày 15/7/2022 âl (nhằm ngày 12/8/2022dl), loại hụi tháng khui một lần, giá 5.000.000 đồng, tổng 35 chân, tôi tham gia 02 chân, tên hụi viên "Út Minh, 8 D", 02 chân này tôi hốt 01 chân, còn 01 chân tôi chưa hốt, tôi đóng được 15 kỳ, số tiền thực đóng là 37.590.000 đồng và lãi 37.410.000 đồng, số tiền nợ hụi chết 100.000.000 đồng.*

Dây 2: Mở ngày 15/7/2022 âl (nhằm ngày 12/8/2022dl), loại hụi tháng khui một lần, giá 5.000.000 đồng, tổng 35 chân, tôi tham gia chơi 01 chân, tên hụi viên Út M2, chân hụi này tôi chưa hốt, tôi đóng được 15 kỳ, số tiền thực đóng là 38.580.000 đồng và lãi 36.420.000 đồng…"

Xét thấy, căn cứ vào lời khai của bà M2 như nêu trên thì bà M2 đã đóng cho bà L được 15 kỳ của 02 chân hụi sống bằng số tiền thực đóng là 76.170.000 đồng (dây 1: số tiền bà M2 thực đóng là 37.590.000 đồng; dây 2: số tiền bà M2 thực đóng là 38.580.000 đồng = 76.170.000 đồng), số tiền lãi bà M2 được hưởng từ 02 chân hụi này là 73.830.000 đồng (Dây 1: lãi 37.410.000 đồng; dây 2: lãi 36.420.000 đồng = 73.830.000 đồng). Bà M2 đã tính 02 chân hụi sống đã đóng cho bà Lê B1 150.000.000 đồng, như vậy là đã có lãi. Do đó, trong số tiền bà L còn thiếu thì bà M2 đã được hưởng phần lãi theo Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà M2 yêu cầu tính lãi của số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử phuc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M2.

[3] Từ những phân tích trên, Bản án sơ thẩm đã nhận định, đánh giá chứng cứ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M2 và bà L; Kiểm sát viên đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng tính lãi suất 10%/năm của số tiền 50.000.000 đồng là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm số 37/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau) không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Bé M và bà Huỳnh Thị Lê K được Tòa án chấp nhận nên bà M, bà L mỗi người phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Bé M đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015520 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Cà Mau) được chuyển thu án phí phúc thẩm.

Bà Huỳnh Thị L đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015524 ngày 11/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Cà Mau) được chuyển thu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Bé M và bà Huỳnh Thị Lê . Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau).

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 24, 25 của Nghị định 19/2919/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bé M yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Huy G và bà Huỳnh Thị L liên đới trả cho bà M số tiền nợ hụi là 50.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Huy G và bà Huỳnh Thị L liên đới trả cho bà Nguyễn Bé M số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bé M yêu cầu bà Huỳnh Thị Lê T1 lãi của số tiền 50.000.000 đồng, tính 20%/năm từ ngày 15/9/2023 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc ông Nguyễn Huy G và bà Huỳnh Thị Lê P liên đới nộp số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)

- Buộc bà Nguyễn Bé M phải nộp số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Bé M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.416.650 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015064 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Cà Mau) được chuyển thu án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Bé M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Bé M đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015520 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Cà Mau) được chuyển thu án phí phúc thẩm.

- Bà Huỳnh Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Huỳnh Thị L đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015524 ngày 11/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Cà Mau) được chuyển thu án phí phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm số 37/2025/DS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau) không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 5– Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Anh